**XU HƯỚNG CỦA QUY ĐỊNH VÊ TỘI PHẠM**

***Trần Hữu Tráng***

***Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng Khoa Luật – Trường Đại học Mở Hà Nội***

***Tội phạm là một khái niệm rất cơ bản trong luật hình sự. Đây là một khái niệm nền tảng để từ đó giúp cho việc nhận thức chính xác các khái niệm khác. Chính vì vậy, khái niệm tội phạm nhận được sự quan tâm đặc biệt của các nhà khoa học nhằm xây dựng được một định nghĩa chuẩn xác nhất, giúp cho việc nhận diện một cách chính xác các hành vi phạm tội. Bài viết này khái lược các khái niệm tội phạm thể hiện trong Bộ luật hình sự một số quốc gia như Cộng hòa liên bang Đức, Cộng hòa Pháp, Anh, Hoa Kỳ, Canada, Trung Quốc, từ đó phân tích làm rõ khái niệm tội phạm trong các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam.***

***Từ khóa: Khái niệm, Tội phạm, Bộ luật hình sự.***

***1. Khái niệm tội phạm trong Bộ luật hình sự một số quốc gia***

Nghiên cứu Bộ luật hình sự (BLHS) của một số quốc gia cho thấy, hiện đang có hai trường phái phổ biến trong quy định về tội phạm: Trường phái thứ nhất: Không định nghĩa tội phạm trong BLHS và trường phái thứ 2: Định nghĩa tội phạm trong BLHS.

*1.1. Trường phái không định nghĩa tội phạm trong BLHS*

*1.1.1. Một số quốc gia thuộc dòng họ Civil Law*

Cộng hòa liên bang (CHLB) Đức và Cộng hòa (CH) Pháp là các quốc gia điển hình của dòng họ Civil Law[[1]](#footnote-1) không định nghĩa tội phạm trong BLHS. BLHS CHLB Đức không có định nghĩa tội phạm mà chỉ mô tả về tội phạm nghiêm trọng (Verbrechen) và tội phạm ít nghiêm trọng (Vergehen)[[2]](#footnote-2). BLHS của CH Pháp cũng không có định nghĩa về tội phạm mà chỉ có điều luật phân chia tội phạm thành 3 nhóm tội là nhóm tội đại hình (Felonnies), nhóm tội tiểu hình (Misdemeanours) và nhóm tội vi cảnh (Petty offences)[[3]](#footnote-3).

Lý do gì mà cả BLHS CHLB Đức và BLHS CH Pháp đều không đưa ra một định nghĩa về tội phạm. Chúng tôi cho rằng, có lẽ một trong những lý do là rất khó để đưa ra một định nghĩa tội phạm với đầy đủ các dấu hiệu thuộc nội hàm của khái niệm này. Những dấu hiệu thuộc nội hàm của khái niệm tội phạm không chỉ bao gồm các dấu hiệu về hành vi, về chủ thể, về lỗi, về khách thể mà còn phải bao gồm cả những dấu hiệu khác, như sai lầm, các trường hợp không có năng lực lỗi, năng lực lỗi hạn chế, vấn đề phạm tội chưa đạt, vấn đề đồng phạm, các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi… Tổng hợp tất cả những dấu hiệu này mới cho thấy một nội hàm đầy đủ của khái niệm tội phạm. Với quan điểm này, một định nghĩa chung về tội phạm với nội hàm thỏa mãn tất cả các dấu hiệu này là không khả thi. Vì vậy, thay vì cố gắng đưa ra một định nghĩa về tội phạm nói chung, các nhà lập pháp đã cố gắng định nghĩa một cách cụ thể, rõ ràng nhất những khái niệm, những chế định trong phần chung, cũng như định nghĩa cho mỗi tội danh cụ thể ở phần các tội phạm. BLHS CHLB Đức đã dành hẳn một điều luật để đưa ra 11 định nghĩa được sử dụng trong BLHS. Đó là các định nghĩa như định nghĩa về người thân thích “*Angehöriger*”, nhà chức trách “*Amtsträger*”, thẩm phán “*Richter*”; định nghĩa về hành vi phạm tội “*rechtswidrige Tat*”, về thù lao “E*ntgelt*”…[[4]](#footnote-4) So sánh với kỹ thuật lập pháp hình sự của Việt Nam cho thấy, BLHS của Việt Nam không có một điều luật riêng để đưa ra các định nghĩa có sử dụng trong bộ luật. BLHS Việt Nam dành 4 điều luật để định nghĩa cho 5 khái niệm là khái niệm “*tội phạm*”[[5]](#footnote-5), khái niệm “*hình phạt*”[[6]](#footnote-6), khái niệm “*tội phạm về chức vụ*”, khái niệm “*người có chức vụ*”[[7]](#footnote-7) và khái niệm “*tội xâm phạm hoạt động tư pháp*”[[8]](#footnote-8).

Mặt khác, nghiên cứu các quy định trong phần các tội phạm của BLHS CHLB Đức và BLHS CH Pháp cho thấy, tất cả các tội danh đều được nhà làm luật quy định rất cụ thể, chi tiết. Trong BLHS Việt Nam, nhiều tội danh nhà làm luật chỉ nêu tên tội danh mà không mô tả hành vi, như tội giết người, tội cướp giật tài sản, tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, tội trộm cắp tài sản, tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản,… BLHS của cả CHLB Đức và CH Pháp đều quy định rất cụ thể, chi tiết dấu hiệu hành vi trong tất cả các quy định về các tội danh cụ thể. Ví dụ, Tội giết người trong BLHS CHLB Đức mô tả: “*Người giết người là người đã giết chết người khác từ sở thích giết người, để thỏa mãn nhu cầu tình dục, vì trục lợi hoặc từ những động cơ thấp hèn khác, một cách xảo quyệt, man rợ hoặc với các phương tiện gây nguy hại chung hoặc để tạo điều kiện cho việc thực hiện hoặc che dấu một tội phạm khác*”[[9]](#footnote-9). Có thể thấy đây là một định nghĩa về tội giết người khá cụ thể, không chỉ nêu rõ hành vi “*giết chết người khác*” mà còn mô tả các dấu hiệu về động cơ, mục đích, phương pháp thực hiện tội phạm. Với quy định này, cùng với các quy định trong phần chung của BLHS, hoàn toàn có thể xác định chính xác tất cả các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm của loại tội này.

BLHS Cộng hòa Pháp cũng quy định về tội giết người: “*Cố ý gây ra cái chết cho người khác là giết người*”[[10]](#footnote-10). So với định nghĩa tội giết người trong BLHS CHLB Đức thì định nghĩa này đơn giản hơn nhiều. Định nghĩa chỉ mô tả dấu hiệu hành vi và dấu hiệu lỗi “*Cố ý*”, “*Gây ra cái chết cho người khác*”. Tuy nhiên, với quy định này cùng với các quy định tại phần chung của BLHS, hoàn toàn có thể xác định chính xác các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm của tội giết người.

Tương tự như vậy, tội trộm cắp tài sản trong BLHS CHLB Đức cũng được mô tả khá chi tiết là: “*Người nào lấy một động sản của người khác với chủ đích chiếm đoạt động sản này cho mình hoặc cho một người thứ ba một cách trái pháp luật*”.[[11]](#footnote-11) Định nghĩa này không chỉ mô tả dấu hiệu, đặc điểm của hành vi phạm tội, mà còn nêu rõ đối tượng tác động của tội phạm cũng như phương thức thực hiện tội phạm. BLHS CH Pháp quy định tội trộm cắp đơn giản hơn: “*Trộm cắp là việc chiếm đoạt gian lận một đồ vật thuộc về người khác*”[[12]](#footnote-12) và “*Chiếm đoạt không trung thực nguồn năng lượng gây thiệt hại cho người khác cũng đồng nghĩa với trộm cắp*”[[13]](#footnote-13). Mặc dù định nghĩa khá đơn giản, nhưng trong định nghĩa cũng đã bao hàm các dấu hiệu về hành vi, về đối tượng tác động của tội phạm và về phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Với quy định này trong sự vận dụng kết hợp với các quy định của phần chung BLHS thì hoàn toàn có thể xác định chính xác các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm của tội trộm cắp tài sản.

Có thể thấy, để xác định một tội phạm cụ thể trong BLHS, phải vừa dựa trên các quy định tại điều luật quy định về tội danh cụ thể, vừa phải dựa trên tất cả các quy định tại phần chung của BLHS có liên quan đến việc xác định một hành vi phạm tội. Ví dụ để xác định các dấu hiệu của tội giết người (Mord) trong BLHS CHLB Đức, phải dựa trên các quy định tại phần chung, (bao gồm các quy định về cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự, các quy định về thời hiệu, hiệu lực của BLHS… (từ Điều 1 đến Điều 79b) cũng như quy định tại Điều 211 BLHS CHLB Đức. Một định nghĩa về tội phạm nói chung là khó có thể bao quát hết tất cả các dấu hiệu đã được diễn đạt trong các điều luật. Mặt khác, các dấu hiệu của các hành vi phạm tội cụ thể đã được các nhà làm luật mô tả khá cụ thể, chi tiết trong các điều luật thuộc phần các tội phạm trong BLHS. Dựa trên các dấu hiệu này trong sự vận dụng tất cả các quy định có liên quan ở phần chung thì mới có thể xác định chính xác một hành vi có thỏa mãn các dấu hiệu của tội danh cụ thể đó hay không.

*1.1.2. Một số quốc gia thuộc dòng họ Common Law*

Nghiên cứu BLHS của Vương quốc Anh và xứ Wales cũng không tìm thấy một quy định về tội phạm. Tại phần 1 (PART 1) có quy định về “Nghi phạm” (Conspiracy) như sau: *Chủ thể nói trong các quy định của các điều khoản dưới đây của phần này trong Bộ luật, là người đã cùng với bất cứ một người hoặc với những người khác cố ý thực hiện một tội phạm hoặc các tội phạm, mà đã được một hoặc nhiều bên cùng cố ý thỏa thuận thực hiện, người đó sẽ bị coi là nghi phạm và bị truy tố về tội phạm hoặc các tội phạm đó*.[[14]](#footnote-14) Quy định này không phải là quy định về tội phạm nói chung mà chỉ là giải thích về các chủ thể được quy định tại phần 1 của bộ luật, tránh phải nhắc lại nhiều lần trong các quy định tiếp theo.

Tương tự như vây, BLHS Hoa Kỳ tại mục 18 – Tội phạm và thủ tục tố tụng hình sự, cũng không tìm thấy định nghĩa chung về tội phạm. Tại Điều 16, chương 1, phần 1, mục 18 có quy định về tội phạm bạo lực là: *(a) một hành vi phạm tội có tình tiết là sử dụng, tìm cách sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực đối với người hoặc tài sản của người khác, hoặc (b) bất kỳ hành vi phạm tội nào là trọng tội và về bản chất tạo ra một khả năng là có thể sử dụng vũ lực đối với người hoặc tài sản của người khác trong quá trình phạm tội*.[[15]](#footnote-15)

BLHS Canada cũng không có định nghĩa về tội phạm nói chung mà chỉ có một điều luật giải thích về các bên trong hành vi phạm tội (Parties to offences): “*Một người là một bên trong hành vi phạm tội khi người này: (a) trực tiếp thực hiện hành vi; (b) làm hoặc không làm bất kỳ việc gì với mục đích giúp cho bất kỳ người nào thực hiện hành vi phạm tội; (c) xúi giục bất kỳ người nào thực hiện hành vi phạm tội*”.[[16]](#footnote-16)

Như vậy, cũng giống như BLHS CHLB Đức, BLHS CH Pháp, BLHS của Anh, Hoa Kỳ, Canada, các nước theo truyền thống Common Law[[17]](#footnote-17), cũng đều không đưa ra định nghĩa chung về tội phạm mà chỉ có các định nghĩa mang tính giải thích liên quan đến dạng hành vi phạm tội được quy định tại một phần nào đó trong bộ luật hình sự.

*1.2. Trường phái định nghĩa tội phạm trong BLHS*

Khác với các quốc gia nói trên, một số quốc gia đã cố gắng đưa ra định nghĩa về tội phạm trong BLHS như Thụy Điển, CHLB Nga, Trung Quốc ...

Các nhà lập pháp Thụy Điển đã cố gắng đưa ra một định nghĩa tội phạm ở mức khái quát nhất. Theo đó, (A crime is an act defined in this Code or in another law or statutory instrument for which a punishment as stated below is provided.) “*Một tội phạm là một hành vi được xác định trong Bộ luật này hoặc trong luật khác hoặc trong các văn bản pháp luật khác theo đó sẽ bị áp dụng một hình phạt dưới đây*”.[[18]](#footnote-18) Có thể thấy, trong định nghĩa này, nhà lập pháp đã chú trọng đến hai dấu hiệu: Dấu hiệu hành vi; dấu hiệu bị quy định trong BLHS và dấu hiệu hình phạt. Mặc dù định nghĩa khá đơn giản, nhưng cho thấy đây là một định nghĩa rất khôn ngoan. Các nhà lập pháp Thụy Điển đưa ra một định nghĩa về tội phạm, nhưng dường như lại không muốn xác định cụ thể, rõ ràng các dấu hiệu nội hàm của tội phạm. Thay vì để cho các nhà khoa học, những người giảng dạy, giải thích về định nghĩa tội phạm, nhà làm luật đưa ra một định nghĩa như là một nguyên tắc để xác định tội phạm. Chính vì định nghĩa dưới dạng nguyên tắc nên để tạo thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật, các nhà lập pháp hình sự Thụy Điển cũng đã mô tả rất chi tiết, cụ thể các quy định ở cả phần chung, lẫn các quy định ở phần các tội phạm trong BLHS. Ví dụ Tội giết người được quy định: “*Người nào tước đoạt tính mạng của người khác sẽ bị xử tội giết người …*”.[[19]](#footnote-19) Tội trộm cắp được quy định “*Người nào lấy một cách bất hợp pháp những gì thuộc về người khác với ý định chiếm đoạt nó thì …*”.[[20]](#footnote-20)

BLHS Liên bang (LB) Nga định nghĩa tội phạm: (*A socially dangerous act, committed with guilt and prohibited by this Code under threat of punishment, shall be deemed to be a crime*) [[21]](#footnote-21): *Việc thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội, được xác định có lỗi và bị cấm theo quy định của bộ luật này, có thể phải chịu một hình phạt, sẽ bị coi là một tội phạm*. Có thể thấy, khác với định nghĩa trong BLHS Thụy Điển, BLHS LB Nga đã đưa ra một định nghĩa chi tiết hơn bao gồm 4 dấu hiệu (đặc điểm) là hành vi nguy hiểm cho xã hội, lỗi, bị bộ luật cấm và có thể chịu hình phạt. Tuy nhiên, nghiên cứu quy định tại phần chung của BLHS LB Nga cho thấy, cùng với định nghĩa khá chi tiết về tội phạm, BLHS LB Nga cũng quy định rất cụ thể, chi tiết nhiều vấn đề khác liên quan đến việc xác định tội phạm, như phân loại tội phạm; Điều kiện chung của trách nhiệm hình sự (TNHS) (Điều 19); Tuổi chịu TNHS (Điều 20); Không có năng lực TNHS (Điều 21); lỗi (từ Điều 24 đến Điều 28), tội phạm chưa hoàn thành (từ Điều 29 đến Điều 31); trường hợp nhiều người cố ý cùng tham gia tội phạm (từ Điều 32 đến Điều 36)… Mặt khác, nghiên cứu các quy định về các tội phạm cho thấy, BLHS LB Nga cũng mô tả khá cụ thể hành vi phạm tội. Ví dụ tội giết người được định nghĩa “*Murder is the intentional causing of death of another person*”[[22]](#footnote-22) (*Giết người là trường hợp cố ý gây ra cái chết của người khác*). Tội trộm cắp được quy định trong BLHS LB Nga như sau: “*Theft, that is, the secret larceny of other people's property*” (*Trộm là bí mật chiếm đoạt trái pháp luật tài sản của người khác*). Như vậy, có thể thấy, với các quy định rất chi tiết về các hành vi của từng tội danh, trong sự vận dụng kết hợp với các quy định tại phần chung của BLHS sẽ có thể xác định chính xác hành vi thực tế thỏa mãn cấu thành tội phạm nào.

BLHS Cộng hòa nhân dân (CHND) Trung Hoa quy định: *Mọi hành vi gây nguy hại đến chủ quyền, toàn vẹn quốc gia, lật đổ chính quyền chuyên chính dân chủ nhân dân và xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa; phá hoại trật tự kinh tế xã hội; xâm phạm tài sản thuộc sở hữu nhà nước và tài sản thuộc sở hữu riêng của công dân; xâm phạm các quyền nhân thân dân chủ và các quyền khác của công dân cũng như các hành vi khác gây nguy hại cho xã hội được quy định là tội phạm*.[[23]](#footnote-23) Có thể thấy, đây là một định nghĩa khá dài trong đó liệt kê rất nhiều nhóm quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Định nghĩa này bao gồm hai đặc điểm chính là: Hành vi nguy hại và khách thể bảo vệ. Trong định nghĩa này, nhà làm luật chỉ nêu ra hai đặc điểm như là những đặc điểm dễ nhận biết của tội phạm. Để xác định một hành vi phạm tội, không thể chỉ dựa trên những đặc điểm này mà còn phải dựa trên những đặc điểm khác, như lỗi, chủ thể, tính trái pháp luật hình sự … Như vậy, mặc dù đưa ra một định nghĩa khá dài, nhưng định nghĩa này vẫn chưa bao hàm hết các dấu hiệu nội hàm của tội phạm.

Như vậy, dù có định nghĩa hay không định nghĩa khái niệm tội phạm trong BLHS, định nghĩa khái quát hay cụ thể, chi tiết, thì để xác định một hành vi có phải là hành vi phạm tội hay không và hành vi đó phạm tội gì, phải dựa vào rất nhiều đặc điểm khác nhau thuộc nội hàm của tội phạm. Các dấu hiệu này vừa được quy định trong phần chung của BLHS vừa quy định trong từng tội danh.

Nghiên cứu quy định của BLHS các quốc gia, có thể rút ra năm dấu hiệu cơ bản thuộc nội hàm của khái niệm tội phạm như sau:

***(a) Dấu hiệu hành vi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại***

Đây là dấu hiệu rất quan trọng của tội phạm bởi suy cho cùng, không có hành vi sẽ không có sự gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội hoặc cho các đối tượng được pháp luật hình sự bảo vệ. Khi đó sẽ không có cơ sở thực tiễn để truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS). Nguyên tắc hành vi là một trong những nguyên tắc quan trọng trong luật hình sự.[[24]](#footnote-24) Hành vi luôn được thực hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động phạm tội.

***(b) Dấu hiệu chủ thể***

Cùng với dấu hiệu hành vi, dấu hiệu chủ thể cũng là một dấu hiệu rất quan trọng, bởi vì chỉ khi hành vi do các chủ thể có đủ tuổi chịu TNHS, có đủ năng lực TNHS thực hiện và các chủ thể này không thuộc các trường hợp được miễn TNHS hoặc trường hợp loại trừ TNHS thì khi đó hành vi mới bị coi là tội phạm. Một hành vi do các chủ thể không có năng lực TNHS (do chưa đủ tuổi chịu TNHS hoặc tuy đủ tuổi chịu TNHS nhưng thuộc các trường hợp mắc các bệnh làm mất năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi) thì dù hành vi đó có gây thiệt hại cho xã hội cũng không bị coi là hành vi phạm tội. Dấu hiệu của chủ thể luôn bao gồm hai điều kiện: Đạt độ tuổi nhất định và có đủ năng lực chủ thể.

Độ tuổi chịu TNHS được quy định trong BLHS của các quốc gia khác nhau là khác nhau. Các nhà làm luật dựa trên những điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội, cũng như các đặc điểm về nhân chủng học để xác định: Con người đạt đến độ tuổi nào đó thì có khả năng nhận thức tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi và có khả năng điều khiển, kiểm soát hành vi của mình. BLHS các quốc gia đều xác định một mức độ tuổi nhất định mà khi đạt độ tuổi đó sẽ bắt đầu có năng lực TNHS hạn chế (Chỉ phải chịu TNHS đối với một số tội phạm hoặc trong một số trường hợp nhất định. Tiếp theo là một mức độ tuổi mà khi đạt độ tuổi đó sẽ có năng lực TNHS đầy đủ. BLHS CHLB Đức xác định độ tuổi chưa có năng lực lỗi (Schuldunfähig) là người chưa đủ 14 tuổi. Pháp luật hình sự Úc xác định độ tuổi tối thiểu phải chịu TNHS là 10 tuổi. Tuy nhiên, trẻ từ 10 đến 14 tuổi chỉ phải chịu TNHS khi chứng minh được tại thời điểm thực hiện hành vi gây thiệt hại, trẻ có khả năng phân biệt được đúng và sai. Trẻ từ 14 đến 17 hoặc 18 tuổi có thể phải chịu TNHS đầy đủ.[[25]](#footnote-25) Pháp luật hình sự của Anh, Wales, và Bắc Ailen quy định độ tuổi bắt đầu phải chịu TNHS là 10 tuổi. Ở Scotland trước đây quy định tuổi bắt đầu chịu TNHS là 8 tuổi, nhưng các nhà lập pháp vừa sửa nâng mức khởi điểm phải chịu TNHS là 12 tuổi.[[26]](#footnote-26)

***(c) Dấu hiệu lỗi***

Dấu hiệu lỗi cũng là một dấu hiệu quan trọng trong nội hàm khái niệm tội phạm. Lỗi phản ánh khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của con người. Thông thường, một người chưa đạt độ tuổi phải chịu TNHS hoặc người mắc các bệnh làm mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi thì người đó không có khả năng có lỗi. Một hành vi dù gây thiệt hại thế nào, nhưng thuộc trường hợp không có lỗi thì chắc chắn không phải là hành vi phạm tội.[[27]](#footnote-27) Một người sở dĩ phải chịu TNHS là vì họ đã thực hiện một hành vi mà biết là hành vi đó sẽ gây thiệt hại đến lợi ích của cá nhân, tổ chức trong xã hội. Một người thực hiện hành vi gây thiệt hại trong trường hợp không có lỗi thì không phải chịu TNHS. Lỗi là yếu tố chủ quan thuộc về người phạm tội, là yếu tố gắn liền với người phạm tội.

***(d) Dấu hiệu trái pháp luật***

Tuân thủ nguyên tắc "*Nullum crimen, nulla poena sine praevia lege poenali*" Meaning: *no crime, no punishment without a previous penal law* (*Không có tội, không có hình phạt khi không có luật*). Đây là một nguyên tắc quan trọng được ghi nhận trong tất cả các BLHS của các quốc gia. Một hành vi dù gây thiệt hại ở mức nào, nhưng nếu hành vi đó chưa được quy định là hành vi phạm tội thì hành vi đó không phải là hành vi phạm tội. Tuân thủ nguyên tắc này, pháp luật hình sự của các quốc gia cũng coi trọng nguyên tắc cấm áp dụng tương tự trong luật hình sự.

***(e) Các dấu hiệu loại trừ trách nhiệm hình sự***

Ngoài trường hợp chưa đạt độ tuổi chịu TNHS cũng như mắc các bệnh làm mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi như đã đề cập ở trên, pháp luật hình sự còn quy định một số trường hợp được loại trừ TNHS, như phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết và một số trường hợp khác. Đây là những trường hợp mà hành vi trên thực tế đã gây ra những thiệt hại nhất định, tuy nhiên, đây là những trường hợp được pháp luật cho phép gây thiệt hại nhằm mục đích bảo vệ những lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

Một trường hợp nữa cũng được loại trừ trách nhiệm hình sự là trường hợp hành vi phạm tội gây ra những thiệt hại có tính nhỏ nhặt, không đáng kể. Khi đó, nhà nước sử dụng các biện pháp chế tài ngoài hình sự để giải quyết các trường hợp này, như chế tài dân sự, chế tài hành chính, chế tài kỷ luật…

***2. Khái niệm tội phạm trong pháp luật hình sự Việt Nam và một số kiến nghị***

*2.1. Khái niệm tội phạm trong pháp luật hình sự Việt Nam*

Nghiên cứu các văn bản pháp luật hình sự Việt Nam cho thấy:

- Giai đoạn ttrước khi có BLHS 1985, các văn bản pháp luật hình sự đều không có định nghĩa về tội phạm. Tất cả các văn bản này đều chỉ quy định cụ thể từng loại tội mà văn bản đó điều chỉnh. Ví dụ, Sắc lệnh số 06 ngày 15/01/1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh trừng trị tội “ăn trộm, ăn cắp, tự ý phá hủy hoặc oa trữ dây điện thoại và dây điện tín”. Sắc lệnh số 27 ngày 28 tháng 2 năm 1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh quy định các tội bắt cóc, tống tiền và ám sát. Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa ngày 21 tháng 10 năm 1970; Pháp lệnh trừng trị tội hối lộ ngày 20 tháng 5 năm 1981 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cũng không đưa ra định nghĩa về tội phạm.

- Giai đoạn sau năm 1985, cùng với sự ra đời của BLHS năm 1985, lần đầu tiên, khái niệm tội phạm được định nghĩa tại khoản 1 Điều 8 “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, xâm phạm chế độ Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chế độ kinh tế và sở hữu xã hội chủ nghĩa, xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa*.”

BLHS năm 1985 sau bốn lần sửa đổi, bổ sung[[28]](#footnote-28) vẫn giữ nguyên định nghĩa tội phạm. BLHS năm 1999 cũng đưa ra định nghĩa tội phạm tại khoản 1 Điều 8. So với định nghĩa về tội phạm trong BLHS 1985, về cơ bản định nghĩa tội phạm trong BLHS 1999 chỉ có một số thay đổi trong quy định về khách thể của tội phạm như sau:

- Thay cụm từ “*xâm phạm chế độ Nhà nước xã hội chủ nghĩa*” bằng cụm từ “*xâm phạm chế độ chính trị*”.

- Sửa cụm từ “*chế độ kinh tế và sở hữu xã hội chủ nghĩa*” thành cụm từ “*chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội*”.

- Bổ sung thêm cụm từ “*quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức*”.

Những nội dung sửa đổi này trong định nghĩa tội phạm là nhằm mô tả chính xác hơn, đầy đủ hơn các khách thể được luật hình sự bảo vệ.

Định nghĩa tội phạm trong BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017 đã có một sự thay đổi cơ bản là bổ sung thêm pháp nhân thương mại là chủ thể của tội phạm bên cạnh chủ thể là cá nhân. Đây là sự thay đổi cơ bản về quan điểm lập pháp hình sự của Việt Nam khi lần đầu tiên quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Bên cạnh việc bổ sung chủ thể pháp nhân thương mại, BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017 cũng bổ sung “*quyền con người*” vào khách thể bảo vệ của luật hình sự. Quy định này nhằm bảo đảm sự tương thích với quan điểm tôn trọng và bảo vệ quyền con người thể hiện trong Hiến pháp Việt Nam năm 2013.

Như vậy, có thể thấy, từ khi có BLHS đầu tiên năm 1985 đến khi ban hành BLHS 2015, sửa đổi năm 2017, định nghĩa về tội phạm ngoài việc bổ sung thêm chủ thể của tội phạm là pháp nhân thương mại thì chỉ có những sửa đổi liên quan đến quy định về khách thể của tội phạm theo hướng cụ thể, chi tiết và phù hợp hơn với quan điểm tôn trọng và bảo vệ quyền con người.

Có thể thấy, cách định nghĩa tội phạm trong BLHS Việt Nam là khá cụ thể, chi tiết. Tuy nhiên, dưới góc độ khoa học, định nghĩa này vẫn còn một số điểm hạn chế sau:

***- Thứ nhất, hạn chế khi sử dụng phương pháp liệt kê***

Chúng ta đều biết, một trong những điều tối kỵ trong xây dựng định nghĩa là sử dụng phương pháp liệt kê, bởi vì khi liệt kê sẽ không bao giờ có thể dự liệu hết các trường hợp có thể xảy ra trong thực tiễn đời sống xã hội. Hiện nay, các nhà lập pháp hình sự đang sử dụng kỹ thuật liệt kê các nhóm khách thể bảo vệ của pháp luật hình sự. Do không thể liệt kê hết các nhóm khách thể này, nhà làm luật sau khi liệt kê một số nhóm khách thể bảo vệ của luật hình sự thì sử dụng cụm từ “… *những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật* …” để dự liệu cho các khách thể còn chưa được liệt kê trong định nghĩa. Cách diễn đạt này gây ra tình trạng bất bình đẳng trong quy định của điều luật, khi nhà làm luật chỉ liệt kê một số nhóm khách thể quan trọng, còn những nhóm khách thể khác bị coi là ít quan trọng thì không được liệt kê. Điều này là vi phạm nguyên tắc bình đẳng trong luật.

***- Thứ hai, tính không ổn định của định nghĩa tội phạm***

Chính vì các nhà lập pháp sử dụng kỹ thuật liệt kê các dạng khách thể trong định nghĩa tội phạm, nên dẫn đến tình trạng phải thường xuyên sửa đổi quy định này do xã hội luôn vận động, thay đổi, nên các quan hệ xã hội là khách thể bảo vệ của luật hình sự cũng thay đổi. Thực tiễn lập pháp hình sự từ năm 1985 đến nay cho thấy, phần lớn những sửa đổi về định nghĩa tội phạm chỉ liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung phần quy định liên quan đến khách thể của tội phạm.

***Thứ ba, không bao hàm hết những nội dung cần thiết***

Mặc dù định nghĩa về tội phạm đã rất cố gắng để mô tả, chi tiết, cụ thể về nội hàm của tội phạm, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề không thể mô tả hết được trong định nghĩa của tội phạm. Ví dụ, vấn đề hành vi hành động và hành vi không hành động phạm tội; vấn đề thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; vấn đề loại trừ trách nhiệm hình sự… Đây là những vấn đề rất quan trọng thuộc nội hàm của định nghĩa tội phạm nhưng những đặc điểm này không được mô tả trong định nghĩa tội phạm trong BLHS của Việt Nam.

*2.2. Kiến nghị về định nghĩa tội phạm*

Từ những hạn chế phân tích ở trên, sau khi tham khảo kỹ thuật lập pháp hình sự trong BLHS của một số quốc gia nêu trên, chúng tôi cho rằng vẫn rất cần một định nghĩa về tội phạm trong BLHS. Tuy nhiên, định nghĩa tội phạm không cần phải cụ thể, chi tiết, bởi không thể quy định hết tất cả các dấu hiệu thuộc nội hàm của tội phạm trong định nghĩa tội phạm. Để xác định đầy đủ các dấu hiệu thuộc nội hàm của khái niệm tội phạm, cần phải kết hợp tất cả các quy định thuộc phần chung của BLHS. Vì vậy, định nghĩa tội phạm cần phải càng ngắn gọn, khái quát càng tốt và định nghĩa tội phạm cũng phải thể hiện được quan điểm vận dụng tổng hợp các quy định của phần chung để xác định đầy đủ các dấu hiệu, đặc điểm của tội phạm. Với cách tiếp cận đó, chúng tôi kiến nghị nên định nghĩa tội phạm một cách ngắn gọn như sau:

“*Tội phạm là hành vi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự*”.

Định nghĩa này vừa phản ánh được bản chất của hành vi phạm tội là gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho xã hội.[[29]](#footnote-29) Mặt khác, với đặc điểm “được quy định trong bộ luật hình sự” cho thấy, muốn xác định đầy đủ các dấu hiệu của tội phạm, cần phải căn cứ trước hết vào tất cả các quy định của phần chung BLHS để xác định hành vi này có phải là hành vi phạm tội hay không, sau đó là căn cứ vào quy định ở phần tội phạm để xác định chính xác hành vi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đó thỏa mãn cấu thành tội phạm cụ thể nào. Đây cũng là kỹ thuật lập pháp rất hiệu quả mà các quốc gia như Thụy Điển sử dụng. Tất nhiên, với định nghĩa này, các quy định tại phần các tội phạm cụ thể cần phải được mô tả một cách chi tiết, cụ thể, tránh việc chỉ nêu tên tội danh mà không mô tả các dấu hiệu cấu thành tội phạm như quy định hiện hành ở một số tội danh trong BLHS 2015, sửa đổi năm 2017./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BLHS Canada, Justice Laws Website, Government of Canada, nguồn: <https://laws-lois.justice.gc.ca/eng/acts/C-46/page-3.html#h-5>.

BLHS CHLB Đức (Strafgesetzbuch), Beck-Text in dtv, dtv Verlagsgesellschaft nbH & Co. KG, München 2018..

1. BLHS CHND Trung Hoa, bản dịch của Đinh Bích Hà, Nxb Tư Pháp, 2007, tr.41, 42.

BLHS Cộng hòa Pháp, bản dịch tiếng Anh cập nhật năm 2005, nguồn: <https://www.legislationline.org/documents/section/criminal-codes/country/30/France/show>

1. BLHS Thụy Điển (Section 4, Chapter 8, Swedish Penal Code 1962, Legislationonline, nguồn: <https://www.legislationline.org/documents/section/criminal-codes/country/1/Sweden/show>

BLHS Việt Nam 1985, Sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất ngày 28 tháng 12 năm 1989; Sửa đổi bổ sung lần thứ hai ngày 12 tháng 8 năm 1991; Sửa đổi, bổ sung lần thứ ba ngày 22 tháng 12 năm 1992; Sửa đổi, bổ sung ngày 10 tháng 5 năm 1997.

BLHS Việt Nam 1999, sửa đổi năm 2009.

BLHS Việt Nam năm 2015, sửa đổi năm 2017.

Bộ luật Hoa Kỳ (§16, Chapter 1, Part I, Title 18, U.S. Code), Legal Information Institite, nguồn: <https://www.law.cornell.edu/uscode/text/18/16>.

Bùi Xuân Phái, Xác định lỗi của pháp nhân trong vi phạm pháp luật, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp online, nguồn: <http://www.nclp.org.vn/nha_nuoc_va_phap_luat/xac-111inh-loi-cua-phap-nhan-trong-vi-pham-phap-luat>.

Criminal – Procedural Code of the Russian Fedeeration 2002, amendment 2012, Legislationonline, nguồn: https://www.legislationline.org/documents/section/criminal-codes/country/7/Russian%20Federation/show

Criminal Law Act 1977, Legislation.gov.uk, nguồn: <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1977/45/pdfs/ukpga_19770045_en.pdf>.

Gregor Urbas, The Age of Criminal Responsibility, Australian Institute of Criminology, No.181. <http://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download;jsessionid=96E0D14123961D8311665AB9D9626B5D?doi=10.1.1.556.3000&rep=rep1&type=pdf>.

Nguyễn Ngọc Hòa, Tội phạm và cấu thành tội phạm, NXB. Tư pháp, 2015, tr.18.

Parliamentary Office of Science & Technology, Houses of Parliament, Age of Criminal Responsibility, Postnote Number 577 June 2018, trang 1.

Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật so sánh, Nxb Công an nhân dân, 2010

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật so sánh, Nxb Công an nhân dân, 2010, tr. 143 và các trang tiếp theo. [↑](#footnote-ref-1)
2. Điều 12 BLHS CHLD Đức (Strafgesetzbuch), Beck-Text in dtv, dtv Verlagsgesellschaft nbH & Co. KG, München 2018, tr. 124. [↑](#footnote-ref-2)
3. Điều 111-1, BLHS Cộng hòa Pháp, bản dịch tiếng Anh cập nhật năm 2005, nguồn: <https://www.legislationline.org/documents/section/criminal-codes/country/30/France/show> [↑](#footnote-ref-3)
4. Điều 11 BLHS CHLD Đức (Strafgesetzbuch), Beck-Text in dtv, dtv Verlagsgesellschaft nbH & Co. KG, München 2018, tr. 16, 17. [↑](#footnote-ref-4)
5. Điều 8 BLHS Việt Nam năm 2015, sửa đổi năm 2017. [↑](#footnote-ref-5)
6. Điều 30 BLHS Việt Nam năm 2015, sửa đổi năm 2017. [↑](#footnote-ref-6)
7. Điều 352 BLHS Việt Nam năm 2015, sửa đổi năm 2017. [↑](#footnote-ref-7)
8. Điều 367 BLHS Việt Nam năm 2015, sửa đổi năm 2017. [↑](#footnote-ref-8)
9. Điều 211 BLHS CHLD Đức (Strafgesetzbuch), Beck-Text in dtv, dtv Verlagsgesellschaft nbH & Co. KG, München 2018, tr. 124. [↑](#footnote-ref-9)
10. Điều 221-1, BLHS Cộng hòa Pháp, bản dịch tiếng Anh cập nhật năm 2005, nguồn: <https://www.legislationline.org/documents/section/criminal-codes/country/30/France/show> [↑](#footnote-ref-10)
11. Điều 242 BLHS CHLD Đức (Strafgesetzbuch), Beck-Text in dtv, dtv Verlagsgesellschaft nbH & Co. KG, München 2018, tr. 138. [↑](#footnote-ref-11)
12. Điều 311-1, BLHS Cộng hòa Pháp, bản dịch tiếng Anh cập nhật năm 2005, nguồn: <https://www.legislationline.org/documents/section/criminal-codes/country/30/France/show> [↑](#footnote-ref-12)
13. Điều 311-2, BLHS Cộng hòa Pháp, bản dịch tiếng Anh cập nhật năm 2005, nguồn: <https://www.legislationline.org/documents/section/criminal-codes/country/30/France/show> [↑](#footnote-ref-13)
14. PART 1 – (1) Criminal Law Act 1977, Legislation.gov.uk, nguồn: <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1977/45/pdfs/ukpga_19770045_en.pdf>. [↑](#footnote-ref-14)
15. Điều 16, chương 1, phần I, mục 18 Bộ luật Hoa Kỳ (§16, Chapter 1, Part I, Title 18, U.S. Code), Legal Information Institite, nguồn: <https://www.law.cornell.edu/uscode/text/18/16>. [↑](#footnote-ref-15)
16. Điều 21 phần I BLHS Canada, Justice Laws Website, Government of Canada, nguồn: <https://laws-lois.justice.gc.ca/eng/acts/C-46/page-3.html#h-5>. [↑](#footnote-ref-16)
17. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật so sánh, Nxb Công an nhân dân, 2010, tr. 193 và các trang tiếp theo. [↑](#footnote-ref-17)
18. Phần 1, Chương 1, BLHS Thụy Điển (Section 1, Chapter 1, Swedish Penal Code 1962, Legislationonline, nguồn: <https://www.legislationline.org/documents/section/criminal-codes/country/1/Sweden/show>. [↑](#footnote-ref-18)
19. Phần 1, Chương 3, BLHS Thụy Điển (Section 1, Chapter 3, Swedish Penal Code 1962, Legislationonline, nguồn: <https://www.legislationline.org/documents/section/criminal-codes/country/1/Sweden/show>. [↑](#footnote-ref-19)
20. Phần 1, Chương 8, BLHS Thụy Điển (Section 4, Chapter 8, Swedish Penal Code 1962, Legislationonline, nguồn: <https://www.legislationline.org/documents/section/criminal-codes/country/1/Sweden/show> [↑](#footnote-ref-20)
21. Article 14, Criminal – Procedural Code of the Russian Fedeeration 2002, amendment 2012, Legislationonline, nguồn: https://www.legislationline.org/documents/section/criminal-codes/country/7/Russian%20Federation/show [↑](#footnote-ref-21)
22. Khoản1 Điều 105 BLHS LB Nga. [↑](#footnote-ref-22)
23. Điều 14 BLHS CHND Trung Hoa, bản dịch của Đinh Bích Hà, Nxb Tư Pháp, 2007, tr.41, 42. [↑](#footnote-ref-23)
24. Nguyễn Ngọc Hòa, Tội phạm và cấu thành tội phạm, NXB. Tư pháp, 2015, tr.18. [↑](#footnote-ref-24)
25. Gregor Urbas, The Age of Criminal Responsibility, Australian Institute of Criminology, No.181. <http://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download;jsessionid=96E0D14123961D8311665AB9D9626B5D?doi=10.1.1.556.3000&rep=rep1&type=pdf>. [↑](#footnote-ref-25)
26. Parliamentary Office of Science & Technology, Houses of Parliament, Age of Criminal Responsibility, Postnote Number 577 June 2018, trang 1. [↑](#footnote-ref-26)
27. Nguyễn Ngọc Hòa, sách đã dẫn, tr. 25. [↑](#footnote-ref-27)
28. Sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất ngày 28 tháng 12 năm 1989; Sửa đổi bổ sung lần thứ hai ngày 12 tháng 8 năm 1991; Sửa đổi, bổ sung lần thứ ba ngày 22 tháng 12 năm 1992; Sửa đổi, bổ sung ngày 10 tháng 5 năm 1997. [↑](#footnote-ref-28)
29. Xem Nguyễn Ngọc Hòa, sách đã dẫn, tr. 20, 21. [↑](#footnote-ref-29)